

(Mẫu số 02/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TIỂU HỌC RẠCH ÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11 /QĐ-RO

Quận 8, ngày 06 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu - chi ngân sách nhà nước Quý I năm 2023 của Trường Tiểu học Rạch Ông

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ chức năng quyền hạn của Hiệu trưởng Trường tiểu học Rạch Ông được qui định trong điều lệ trường Tiểu học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu - chi ngân sách nhà nước Quý I năm 2023 của Trường Tiểu học Rạch Ông (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu :KT,VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Chi

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG TIỂU HỌC RẠCH ÔNG**

Chương: **622 - 070 - 072**

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
QUÝ I NĂM 2023**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90./2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu học Rạch Ông công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2023 như sau:

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý 1 năm 2023	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu sự nghiệp	3.121.888.000	1.191.170.000		
	<i>Tiền học các lớp năng khiếu</i>	338.688.000	124.440.000	37%	175%
	<i>Tin học tự chọn</i>	250.880.000	103.700.000	41%	175%
	<i>Anh văn tự chọn</i>	94.080.000	41.250.000	44%	243%
	<i>Anh văn bản ngữ</i>	501.760.000	186.800.000	37%	158%
	<i>Anh văn bổ trợ</i>	638.960.000	254.750.000	40%	210%
	<i>Anh văn phần mềm</i>	62.720.000	20.600.000	33%	0%
	<i>Anh văn tích hợp</i>	282.240.000	92.700.000	33%	0%
	<i>Học 2 buổi</i>	190.512.000	76.410.000	40%	121%
	<i>Học phí cấp bù</i>			0%	0%
	<i>Vệ sinh bán trú</i>	84.672.000	32.280.000	38%	131%
	<i>Phục vụ bán trú</i>	677.376.000	258.240.000	38%	178%
	<i>Cho thuê mặt bằng</i>			0%	0%
	<i>Trang thiết bị vật dụng bán trú</i>			0%	0%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp	3.121.888.000	1.157.466.424		
	<i>Tiền học các lớp năng khiếu</i>	338.688.000	118.515.180	35%	5844%
	<i>Tin học tự chọn</i>	250.880.000	50.202.125	20%	191%
	<i>Anh văn tự chọn</i>	94.080.000	41.360.481	44%	862%
	<i>Anh văn bản ngữ</i>	501.760.000	185.748.000	37%	1660%
	<i>Anh văn bổ trợ</i>	638.960.000	261.498.222	41%	6273%
	<i>Anh văn phần mềm</i>	62.720.000	19.727.500	31%	0%
	<i>Anh văn tích hợp</i>	282.240.000	124.105.750	44%	0%
	<i>Học 2 buổi</i>	190.512.000	87.572.900	46%	216%
	<i>Học phí cấp bù</i>			0%	0%
	<i>Vệ sinh bán trú</i>	84.672.000	24.991.525	30%	142%
	<i>Phục vụ bán trú</i>	677.376.000	234.924.741	35%	232%
	<i>Cho thuê mặt bằng</i>			0%	0%
	<i>Trang thiết bị vật dụng bán trú</i>		8.820.000	0%	7%
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				

1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.725.745.600	1.055.376.643		
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.725.745.600	1.055.376.643		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.725.745.600	1.055.376.643		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.621.932.600	1.055.376.643		
	Nguồn 12	5.501.803.600	1.055.376.643		
6001	Lương theo ngạch, bậc	2.235.000.000	473.980.920	21%	104%
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	205.200.000	31.140.000	15%	103%
6101	Phụ cấp chức vụ	35.760.000	7.599.000	21%	93%
6105	Phụ cấp làm thêm giờ	145.841.000			
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	886.449.000	165.423.972	19%	105%
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	1.788.000		0%	
6115	Phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp thâm niên vượt khung	445.760.000	73.650.935	17%	83%
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	28.000.000			
6301	Bảo hiểm xã hội	433.293.000	110.011.834	25%	102%
6302	Bảo hiểm y tế	74.278.800	18.859.172	25%	102%
6303	Kinh phí công đoàn	49.519.200	12.572.781	25%	102%
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	24.759.600	6.286.391	25%	102%
6449	Chi khác (Trợ cấp Tết)	92.200.000	59.400.000	64%	124%
6501	Thanh toán tiền điện	80.000.000	9.896.348	12%	92%
6502	Thanh toán tiền nước	90.000.000	22.437.090	25%	138%
6504	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường		3.000.000	0%	
6551	Văn phòng phẩm	20.000.000		0%	0%
6599	Vật tư văn phòng khác	4.800.000		0%	
6608	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	8.168.000		0%	
6618	Khoản điện thoại	1.600.000		0%	
6704	Khoản công tác phí	30.000.000	6.900.000	23%	100%
6756	Thuê chuyên gia và giảng viên trong nước	72.000.000		0%	
6757	Thuê lao động trong nước	336.000.000	42.268.200	13%	116%
6949	Các TSCĐ và CT hạ tầng SC khác	20.611.000		0%	
6955	Tài sản và thiết bị văn phòng	71.280.000		0%	
7001	Chi mua hàng hoá, vật tư	19.686.000		0%	0%
7004	Đồng phục, trang phục	5.400.000		0%	0%
7006	Sách báo, tài liệu chuyên môn	22.705.000		0%	0%
7049	Chi phí khác	56.000.000	11.950.000	21%	221%
7766	Cấp bù học phí theo chế độ	5.705.000		0%	0%
	Kinh phí tiết kiệm 10% CCTL (Nguồn 14.01)	120.129.000	-		
6001	Lương theo ngạch, bậc	68.750.000		0%	0%
6101	Phụ cấp chức vụ	1.320.000		0%	0%
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	26.565.000		0%	0%
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	66.000		0%	0%
6115	Phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp thâm niên vượt khung	6.962.000		0%	0%
6301	Bảo hiểm xã hội	12.262.000		0%	0%

6302	Bảo hiểm y tế	2.102.000		0%	0%
6303	Kinh phí công đoàn	1.401.000		0%	0%
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	701.000		0%	0%
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.103.813.000			
	Nguồn 14.02	3.103.813.000			
6449	Chi khác (Chi CNTT theo NQ03 và NQ27)	3.103.813.000		0%	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Kế toán



Dương Ngọc Hiếu

Ngày 05 tháng 4 năm 2023

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Phương Chi